

Số: 07/QĐ-CTHADS

Bắc Giang, ngày 25 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giảm giá tài sản (lần 3)

Căn cứ khoản 1 Điều 20, Điều 104 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Bản án số 01/2019/KDTM-ST ngày 04/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và Bản án số 27/2019/KDTM-PT ngày 25/12/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 15/QĐ-CTHADS ngày 18/5/2020 và Quyết định thi hành án chủ động số 17/QĐ-CTHADS ngày 03/6/2020 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định về việc cưỡng chế kê biên tài sản số 11/QĐ-CTHADS ngày 06/7/2020 của Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ kết quả thẩm định giá số 2007202/TĐG/VCA-CTTĐG ngày 17/8/2020 của Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang;

Căn cứ Thông báo số 05/TB-BN ngày 06/01/2021 của Công ty đấu giá hợp danh Bắc Nam về việc bán đấu giá không thành ngày 08/01/2021 do không có khách hàng đăng ký tham gia đấu giá tài sản và nộp tiền đặt trước;

Căn cứ thông báo số 60/TB-THADS ngày 13/01/2021 của Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang về việc thông báo bán đấu giá không thành và quyền nhận lại tài sản để trừ vào số tiền được thi hành án,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Giảm giá tài sản kê biên của hộ gia đình ông Phạm Văn Tình; địa chỉ: thôn Trại Cháy, xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Tài sản giảm giá gồm:

1. Tài sản là quyền sử dụng đất, diện tích 2.084 m² đất, tại thửa đất số 47, tờ bản đồ số 105, địa chỉ thửa đất: Thôn Trại Cháy, xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

STT	Tên tài sản	Diện tích (m ²)	Đơn giá (VNĐ)	Tổng tiền
I	Giá trị Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình xây dựng và vật kiến trúc gắn liền với đất tại Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 105, địa chỉ: Thôn Trại Cháy - xã Quý Sơn - huyện Lục Ngạn - tỉnh Bắc Giang	2084		
1	Giá trị quyền sử dụng Đất ở nông thôn	350	1.929.459	675.310.650

2	Giá trị quyền sử dụng - Đất trồng cây lâu năm	1.734	97.600	169.238.400
	Cộng giá trị quyền sử dụng đất			844.549.050
	Làm tròn			844.549.000

2. Giá trị tài sản trên đất

STT	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Tỷ lệ CLCL	Đơn giá	Thành tiền
I	Cây cối, lâm lộc					142.724.000
1	Cây mít đường kính gốc từ 15cm đến 19 cm	Cây	3		608.000	1.824.000
2	Cây nhãn đường kính tán 4m đến 5m	Cây	9		1.364.000	12.276.000
3	Cây bưởi đường kính gốc từ 5cm đến 7cm	Cây	20		569.000	11.380.000
4	Cây vải Cây đường kính tán từ 6,5m đến 7,5m	Cây	34		2.075.000	70.550.000
5	Cây vải đường kính tán từ 4m đến 4,5m	Cây	42		1.085.000	45.570.000
6	Cây sấu đường kính gốc 15cm đến 19cm	Cây	1		608.000	608.000
7	Cây khế đường kính gốc 9cm đến 12cm	Cây	1		214.000	214.000
8	Cây xoài đường kính gốc 3cm đến 7cm	Cây	1		302.000	302.000
II	Công trình xây dựng trên đất					109.934.654
1	Nhà cấp IV loại 1 xây dựng năm 1988 sửa lại năm 2014	m ²	69	30%	2.900.000	60.030.00
2	Nhà bếp loại A	m ²	16,52	40%	1.090.000	7.202.720
3	Khu chăn nuôi 1 loại C	m ²	24,4	30%	680.000	4.977.600
4	Khu chăn nuôi 2 loại C	m ²	7,35	30%	680.000	1.499.400
5	Nhà tạm loại C	m ²	3,2	30%	910.000	873.600
6	Nhà bán mái loại 1	m ²	16,24	30%	297.000	1.446.984
7	Nhà bán mái loại 2	m ²	97,96	30%	335.000	9.844.980
8	Nhà che khu giống loại 1	m ²	14	30%	335.000	1.407.000
9	Giếng đào cuốn gạch đường kính từ 0,9-:- 1m, độ sâu 7 -:- 10m	Cái	1	30%	6.890.000	2.067.000
10	Cổng sắt	m ²	6,6	30%	920.000	1.821.600
11	Hàng rào b40	m ²	51,255	30%	180.000	2.767.770
12	Tường bao cao 1,6m	m ²	115	30%	380.000	13.110.000
13	Giếng khoan	m	74	30%	130.000	2.886.000
	Tổng cộng					252.658.654

Làm tròn		252.659.000
----------	--	-------------

Giá khởi điểm đưa ra bán đấu giá lần ba là **888.738.480đ** (*Tám trăm tám mươi tám triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn, bốn trăm tám mươi đồng*); mức giảm giá là 10% = **88.873.848** (*Tám mươi tám triệu, tám trăm bảy ba nghìn, tám trăm bốn tám đồng*). Giá còn lại là **799.864.632đ** (*Bảy trăm chín mươi chín triệu, tám trăm sáu tư nghìn, sáu trăm ba mươi hai đồng*). Đây là giá khởi điểm để đưa ra bán đấu giá tài sản lần thứ 4.

Điều 2. Người phải thi hành án, người được thi hành án và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Phòng 8-Viện KSND tỉnh Bắc Giang;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN



Hà Thị Thái



